

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng, ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 09/TTr-STNMT ngày 03 tháng 01 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 1370/QĐHC-CTUBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Kèm theo danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lưu: HC, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Trần Thành Nghiệp

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 22/01/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT theo các QĐ	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ	Ghi chú
Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 07/8/2009			
II	Lĩnh vực Môi trường		
08	Xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (đối với tổ chức).	Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/8/2007 hết hiệu lực thi hành	
Quyết định số 1370/QĐHC-CTUBND ngày 26/12/2011			
II	Lĩnh vực Môi trường		
01	Báo cáo đánh giá tác động môi trường.	Đã được thay thế	
02	Cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) đối với tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề có địa bàn hoạt động trong tỉnh (giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH).	Đã được thay thế	
Tổng số: 03 thủ tục.			

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên
và Môi trường tỉnh Sóc Trăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 09/TTr-STNMT ngày 03 tháng 01 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: KT, HC, VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thành Nghiệp

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG**
(Kèm theo Quyết định số /QĐHC-CTUBND ngày /01/2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/SỬA
ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Số trang
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
01	Cấp mới, điều chỉnh, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (<i>Thống kê mới</i>)	3
02	Báo cáo đánh giá tác động môi trường (<i>Sửa đổi, bổ sung</i>)	10
03	Cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) đối với tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề có địa bàn hoạt động trong tỉnh (giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH) (<i>Sửa đổi, bổ sung</i>)	25
04	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường (<i>Thống kê mới</i>)	31
05	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (<i>Thống kê mới</i>)	41
Tổng số: 05 thủ tục.		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

Lĩnh vực Môi trường

01. Thủ tục: Cấp mới, điều chỉnh, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu *(Thống kê mới)*

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Thương nhân có nhu cầu trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất, gửi Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính “Tổ một cửa” thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

Trường hợp thương nhân sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại nhiều cơ sở sản xuất của mình, đặt tại nhiều địa điểm khác nhau, thì phải đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho từng cơ sở sản xuất ở từng địa điểm đó.

Thương nhân có Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực, hoặc có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung các nội dung đã được Chứng nhận từ điểm 1 đến điểm 4 của Giấy chứng nhận đã được cấp, phải làm hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận.

Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách, bị cháy không sử dụng được, thương nhân phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại.

* Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Hồ sơ (tính theo ngày trên dấu đến), Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét sự đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định và phải có thông báo bằng văn bản cho thương nhân nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.

* Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (tính theo ngày trên dấu đến), Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra sự phù hợp theo các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT ngày 15/11/2012 để xem xét:

+ Trường hợp đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành cấp Giấy chứng nhận cho thương nhân. Giấy chứng nhận có thời hạn hiệu lực là ba (03) năm kể từ ngày cấp và không được gia hạn;

+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản cho thương nhân lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần (chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu).
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).
 - + Một trong các tài liệu sau: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Giấy xác nhận hoặc Thông báo chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt hoặc Giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường (bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).
 - + Kết quả giám sát chất lượng môi trường lần gần nhất của cơ sở sản xuất, nhưng không quá sáu (06) tháng tính đến ngày đề nghị cấp Giấy chứng nhận (bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).
- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.
- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT).
- Lệ phí (nếu có): không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm): có.
 - + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT).
- Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính (nếu có):
 - Điều kiện đối với thương nhân nhập khẩu phế liệu:
 - + Có kho bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường;
 - + Có công nghệ, thiết bị để tái chế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;
 - + Có phương án, giải pháp xử lý phế liệu nhập khẩu đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; đảm bảo mọi chất thải trong quá trình sản xuất đều được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
 - + Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Điều kiện đối với phế liệu nhập khẩu:

+ Phế liệu nhập khẩu phải thuộc Danh mục phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BTNMT ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005.

+ Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn về điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

+ Thông tư số 01/2013/TT-BTNMT ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phế liệu được phép nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất./.

PHỤ LỤC 1

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 34 /2012/TTLT-BCT-BTNMT
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN> **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

<THƯƠNG NHÂN>

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Địa danh , ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU

Kính gửi :(1).....

1. Tên Thương nhân đề nghị:

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng phé liệu: (cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng phé liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).

4. Mô tả chức năng hoạt động kinh doanh sản xuất: (loại sản phẩm/hàng hoá sản xuất, kinh doanh,...).

5. Mô tả phé liệu: (chủng loại phé liệu nhập khẩu, khối lượng phé liệu dự kiến sử dụng /tháng, nhu cầu hoặc tình hình sử dụng phé liệu nhập khẩu của năm trước).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phé liệu đã được cấp: nếu chưa có, ghi là "đề nghị cấp lần đầu"; nếu đã có, ghi "Giấy sốngày....tháng...năm....., Cơ quan cấp," và "đề nghị cấp mới thay thế Giấy đã hết hiệu lực" hoặc "đề nghị điều chỉnh, bổ sung" hoặc "đề nghị cấp lại do bị mất/rách/cháy".

7. Giải pháp bảo vệ môi trường đã được xây dựng đối với cơ sở sản xuất và kho, bãi chứa phé liệu:

- Mô tả kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phé liệu nhập khẩu:

+ Tình trạng hoặc hình thức sở hữu kho bãi;

+ Tổng diện tích khu vực tập kết phé liệu;

+ Tình trạng tiếp giáp của khu vực tập kết phé liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có;

+ Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

- Mô tả giải pháp, hệ thống xử lý (hoặc phương án thuê đơn vị có đủ điều kiện kỹ thuật để xử lý) các tạp chất đi kèm phế liệu.

- Mô tả thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất và hệ thống xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất.

Chúng tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật.

Kính đề nghị quý Cơ quan kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu đến thời gian (2).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN

Nơi nhận:

<Ký tên, đóng dấu>

- Như trên;

-

Ghi chú:

Mẫu Đơn đề nghị này được dùng chung cho các trường hợp xin cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cấp lại.

(1) Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi có cơ sở sản xuất và kho bãi chứa phế liệu nhập khẩu;

(2) Phù hợp với thời hạn thuê kho bãi nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm.

PHỤ LỤC 2

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU

Cấp cho: (2).....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất của thương nhân (2) được cấp Giấy chứng nhận sử dụng phé liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

.....(3).....

.....(1).....

CHỨNG NHẬN:

1. ... (3)..... có kho bãi dành riêng cho việc tập kết phé liệu nhập khẩu; có giải pháp đảm bảo cách ly các yếu tố ảnh hưởng môi trường xung quanh.

2. ... (3)... có thiết bị, công nghệ tái chế phé liệu nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất và hệ thống xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất phù hợp với việc sản xuất sản phẩm từ phé liệu nhập khẩu.

3. ... (3)... có giải pháp, hệ thống xử lý (hoặc phương án thuê đơn vị có đủ điều kiện kỹ thuật để xử lý) các tạp chất đi kèm phé liệu, không để phát tán hoặc tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường mọi loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

4. Phé liệu được phép nhập khẩu:

TT	Loại phé liệu nhập khẩu		Mô tả yêu cầu chất lượng phé liệu nhập khẩu
	Mã HS	Tên phé liệu	
1			
2			
3			
...			
...			

5. Những yêu cầu bổ sung khác:

.....
.....
.....

6. Kết luận:

.... (2)... có đủ điều kiện nhập khẩu, sử dụng các loại phế liệu nêu trên làm nguyên liệu cho sản xuất tại(3)..... (4) ...

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày:tháng....năm.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ TNMT;
- ...

(5)

<Ký tên, đóng dấu>

Ghi chú:

Mẫu Giấy chứng nhận này được dùng chung cho các trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cấp lại.

- (1) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu;
- (2) Tên thương nhân nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;
- (3) Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất của thương nhân (2);
- (4) Trường hợp cấp lại thì phải ghi rõ Giấy này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số ... ngày tháng năm, tại....;
- (5) Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu.

02. Thủ tục: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Sửa đổi, bổ sung*)

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ đến cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tổ một cửa) thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

* Bước 3: Xem xét hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Công chức sau khi tiếp nhận hồ sơ được chuyển đến phòng chuyên môn xem xét tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo cho chủ dự án hoặc đơn vị tư vấn sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ.

* Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

* Bước 5: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt.

* Bước 6: Chứng thực Báo cáo Đánh giá tác động môi trường. Sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chứng thực vào cuốn báo cáo đánh giá tác động môi trường.

* Bước 7: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tổ một cửa) thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Công chức trả kết quả kiểm tra giấy hẹn, yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận và trao kết quả cho người nhận.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần (chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Một (01) văn bản của chủ dự án đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi);

+ Bảy (07) báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được đóng thành quyển theo mẫu quy định. (số lượng báo cáo có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của công tác thẩm định).

Trường hợp dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã có một trong các loại giấy phép môi trường (GPMT) tới mức tương đương với các đối tượng từ mục 1 đến mục 143 Phụ lục II Nghị định số 29/2011/NĐ-CP, phải cung cấp thêm một (01) bản sao quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường hoặc văn bản chứng minh bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang vận hành.

Trường hợp dự án đã được phê duyệt ĐTM nhưng chưa đi vào vận hành phải lập lại báo cáo ĐTM (bao gồm: a. thay đổi địa điểm thực hiện dự án hoặc không triển khai thực hiện dự án trong thời gian 36 tháng kể từ thời điểm ban hành quyết định phê duyệt BC ĐTM; b. thay đổi quy mô, công suất hoặc thay đổi công nghệ làm gia tăng phạm vi gây tác động hoặc làm gia tăng các tác động tiêu cực đến môi trường không do chất thải gây ra hoặc làm gia tăng tổng lượng chất thải, hoặc phát sinh các loại chất thải mới, chất thải có thành phần ô nhiễm cao hơn so với kết quả tính toán, dự báo trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.) hồ sơ phải kèm thêm một (01) bản sao quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án trước đó.

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ .

- Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp dự án phức tạp về đánh giá môi trường, thời hạn giải quyết tối đa là 60 ngày) (*Sửa đổi, bổ sung*).

+ Thời hạn giải quyết tại Ủy ban nhân dân tỉnh là: 15 ngày;

+ Thời gian giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường là: 30 ngày.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Sóc Trăng.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường được chứng thực.

- Lệ phí (nếu có): Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 5.000.000 đồng/hồ sơ (Năm triệu đồng)

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):

+ Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Phụ lục 2.3 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT);

+ Mẫu bì và trang phụ bì của báo cáo đánh giá tác động môi trường (Phụ lục 2.4 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT);

+ Cấu trúc và yêu cầu về nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (Phụ lục 2.5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT);

+ Mẫu chứng thực báo cáo đánh giá tác động môi trường (Phụ lục 2.7 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT).

- Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: *(Sửa đổi, bổ sung)*

+ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

+ Quyết định 50/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định một số nội dung liên quan đến mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

PHỤ LỤC 2.3

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v thẩm định báo cáo ĐTM
của Đề án (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đề án (2), thuộc mục số... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số... Phụ lục III) Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Đề án đầu tư do... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Đề án:....;
- Địa chỉ liên hệ:....;
- Điện thoại:....; Fax:....; E-mail: ...

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản đề án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương);
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Đề án bằng tiếng Việt.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường của Đề án.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chủ đề án;
- (2) Tên đầy đủ của Đề án;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của đề án;
- (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ đề án.

PHỤ LỤC 2.4
MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Cơ quan chủ quản/phê duyệt đề án (nếu có))
(Chủ đề án)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của Đề án (1)

CHỦ ĐỀ ÁN (*)

(Đại diện có thẩm quyền của chủ đề án ký, ghi họ tên, đóng dấu) (**)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)

(Đại diện có thẩm quyền của đơn vị ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm...

Ghi chú:

- (1) Tên đầy đủ, chính xác của đề án;
- (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì.
- (**) Chỉ bắt buộc đóng dấu nếu chủ dự án là pháp nhân.

PHỤ LỤC 2.5

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG MỤC LỤC DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Cần nêu rõ các nội dung chính của đề án, các tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế-xã hội, các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và chương trình quản lý môi trường. Bản tóm tắt cần được trình bày súc tích với văn phong dễ hiểu, không nặng tính kỹ thuật và có dung lượng không quá 10% tổng số trang của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của đề án:

1.1. Tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của đề án đầu tư (sự cần thiết phải đầu tư dự án), trong đó nêu rõ là loại đề án mới, dự án bổ sung, đề án mở rộng, đề án nâng cấp hay đề án loại khác.

Lưu ý:

- Đối với trường hợp lập lại báo cáo ĐTM, phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, thời gian ban hành, cơ quan ban hành quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của đề án trước đó.

- Đối với trường hợp đề án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất, phải nêu rõ văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận/đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt/văn bản xác nhận đề án bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đề án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của đề án).

1.3. Môi quan hệ của đề án với các quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các quy hoạch phát triển có liên quan đến đề án: đang trong giai đoạn xây dựng để trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt hoặc đã được phê duyệt thì nêu đầy đủ tên gọi của quyết định phê duyệt).

1.4. Trường hợp đề án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu đầy đủ tên gọi của khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt (nếu có) báo cáo ĐTM của đề án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận (nếu có) đã thực hiện/hoàn thành các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với trường hợp báo cáo ĐTM của đề án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác đi vào vận hành sau ngày 01 tháng 7 năm 2006).

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật và kỹ thuật làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của đề án, trong đó nêu đầy đủ, chính xác mã số, tên, ngày ban hành, cơ quan ban hành của từng văn bản.

2.2. Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng bao gồm các Tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam, tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành; các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế hoặc các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác được sử dụng trong báo cáo ĐTM của đề án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ đề án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

3. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

Liệt kê đầy đủ các phương pháp được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM và phân loại thành hai nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc và phân tích môi trường...).

4. Tổ chức thực hiện ĐTM

4.1. Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ đề án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.

4.2. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM của đề án (bao gồm các thành viên của chủ đề án và các thành viên của đơn vị tư vấn, nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo của từng thành viên).

Chương 1 MÔ TẢ TÓM TẮT ĐỀ ÁN

1.1. Tên đề án

Nêu chính xác như tên trong đề án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của đề án).

1.2. Chủ đề án

Nêu đầy đủ: chủ đề án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ đề án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ đề án.

1.3. Vị trí địa lý của đề án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện đề án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao hồ và các vực nước khác; hệ thống đồi núi; khu bảo tồn...).
- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử...).
- Các đối tượng khác xung quanh khu vực đề án, đặc biệt là các đối tượng có khả năng bị tác động bởi đề án.
- Các phương án vị trí của đề án (nếu có) và phương án lựa chọn. Lưu ý mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của đề án.

Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý (trường hợp cần thiết, chủ đề án bổ sung bản đồ hành chính vùng đề án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.

1.4. Nội dung chủ yếu của đề án (phương án lựa chọn)

1.4.1. Mô tả mục tiêu của đề án

1.4.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục đề án

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục của đề án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện đề án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đề án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động của công trình chính, như: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh phòng hộ môi trường, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn (nếu có), các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường (nếu có) và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình đề án).

1.4.3. Mô tả biện pháp, khối lượng thi công xây dựng các công trình của đề án

1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường, kèm theo sơ đồ minh họa. Trên các sơ đồ minh họa này phải chỉ rõ các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, di sản di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị chính cần có của đề án (nếu là thiết bị công nghệ cũ thì cần làm rõ tỷ lệ phân trăm của thiết bị).

1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các chủng loại sản phẩm (đầu ra) của đề án

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các chủng loại sản phẩm (đầu ra) của đề án kèm theo chỉ dẫn về tên thương hiệu và công thức hóa học (nếu có).

1.4.7. Tiến độ thực hiện đề án

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình của đề án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành và đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

1.4.8. Vốn đầu tư

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của đề án, trong đó, chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của đề án.

1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện đề án

Yêu cầu:

- Đối với đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này, nội dung của mục 1.4 cần phải thể hiện thêm các thông tin về cơ sở đang hoạt động đặc biệt là các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong đề án bổ sung, đề án mở rộng, đề án nâng cấp; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

- Đối với đề án được lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này, nội dung của mục 1.4 cần làm rõ hiện trạng thi công các hạng mục công trình của đề án, thể hiện rõ các thông tin về những thay đổi, điều chỉnh của đề án.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Chỉ đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi đề án (đối với đề án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; đề án khai thác khoáng sản và đề án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết); chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.1.2. Điều kiện về khí tượng

Chỉ trình bày các đặc trưng khí tượng có liên quan đến đề án và/hoặc làm căn cứ cho các tính toán có liên quan đến ĐTM (nhiệt độ không khí, độ ẩm, vận tốc gió, hướng gió, tần suất gió, nắng và bức xạ, lượng mưa, bão và các điều kiện về khí tượng dị thường khác); chỉ rõ độ dài chuỗi số liệu; nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn

Chỉ trình bày các đặc trưng thủy văn/hải văn có liên quan đến đề án và/hoặc làm căn cứ cho các tính toán có liên quan đến ĐTM (mức nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy và các điều kiện về thủy văn/hải văn khác); chỉ rõ độ dài chuỗi số liệu; nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường vật lý

Chỉ đề cập và mô tả những thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi đề án như: môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của đề án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận trực tiếp nước thải của đề án, đất, trầm tích và hệ sinh vật chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi chất thải và các yếu tố khác của đề án.

Đối với môi trường không khí, nước, đất và trầm tích đòi hỏi như sau:

- Chỉ dẫn rõ ràng các số liệu đo đạc, phân tích tại thời điểm tiến hành ĐTM về chất lượng môi trường khu vực đề án (lưu ý: các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường; kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải được hoàn thiện và được xác nhận của các đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật);

- Nhận xét về mức độ ô nhiễm không khí, nước, đất và trầm tích được đánh giá so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Nhận định về nguyên nhân, nguồn gốc ô nhiễm. Trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường, đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường ở khu vực dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh học

Cần có số liệu mới nhất về các hệ sinh thái trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đề án hoặc chủ đề án ủy nhiệm cơ quan tư vấn thực hiện, hoặc tham khảo từ các nguồn khác.

- Nêu số liệu, thông tin về các hệ sinh thái cần có thể bị tác động bởi đề án, bao gồm: các nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước, các vườn quốc gia, khu bảo vệ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển trong và lân cận khu vực đề án), khoảng cách từ đề án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất. Diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục các loài thực vật, động vật hoang dã, các loài sinh vật được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do đề án.

- Nêu số liệu, thông tin về các hệ sinh thái nước có thể bị tác động bởi đề án, bao gồm các đặc điểm hệ sinh thái nước, danh mục các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy sản khác.

Yêu cầu:

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát.

- Đối với đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này, trên cơ sở số liệu hiện có, nội dung của mục 2.1 Phụ lục này cần bổ sung các thông tin về các thay đổi môi trường tự nhiên so với thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM của đề án trước đó và nêu rõ số liệu về kết quả giám sát, quan trắc môi trường đã được thực hiện đối với cơ sở đang hoạt động. Phân tích các nguyên nhân của các thay đổi đó.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2.1. Điều kiện về kinh tế

Chỉ đề cập đến những hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do đề án trong khu vực đề án và số liệu kinh tế vùng kế cận có thể bị tác động bởi đề án; chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.2.2. Điều kiện về xã hội

Chỉ đề cập đến: dân số, đặc điểm các dân tộc (nếu là vùng có đồng bào dân tộc thiểu số), vị trí, tên các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác trong vùng đề án và các vùng kế cận bị tác động bởi đề án; các ngành y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo ở các địa phương tại vùng có thể bị tác động do đề án.

Yêu cầu:

- Số liệu về kinh tế, xã hội phải được cập nhật vào thời điểm ĐTM trên cơ sở chủ đề án hoặc đơn vị tư vấn khảo sát bổ sung, kết hợp số liệu thu thập từ các nguồn khác. Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

- Đối với đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này và các đề án quy định tại Điều 11 của Thông tư này, nội dung của mục 2.2 Phụ lục này cần so sánh, đối chiếu với điều kiện kinh tế - xã hội tại thời điểm báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và phân tích các nguyên nhân của các thay đổi đó.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Nguyên tắc chung: Việc đánh giá tác động của đề án tới môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có) như: tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá một cách cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá một cách định tính, định lượng, chi tiết và cụ thể cho đề án đó bằng các phương pháp tính toán cụ thể hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định một cách định lượng các tác động) và so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành).

3.1. Đánh giá tác động

3.1.1. Đánh giá tác động trong giai đoạn chuẩn bị của đề án.

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn chuẩn bị của đề án phải được thực hiện đối với các hoạt động trong giai đoạn này và phải bao gồm các công việc sau:

- Phân tích, đánh giá ưu điểm, nhược điểm từng phương án địa điểm thực hiện đề án (nếu có) đến môi trường.
- Tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có). Trường hợp các hoạt động giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư được thực hiện theo nhiều giai đoạn, nội dung này cần tiếp tục được đánh giá đầy đủ trong các giai đoạn tương ứng;
- Tác động do quá trình san lấp mặt bằng đề án (nếu có).

3.1.2. Đánh giá tác động trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1.3. Đánh giá tác động trong giai đoạn vận hành (hoạt động) của đề án

3.1.4. Đánh giá tác động trong giai đoạn khác của đề án (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường)

Yêu cầu:

Trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành và giai đoạn khác (nếu có) của đề án (mục 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4 Phụ lục này), cần làm rõ các hoạt động của đề án và trên cơ sở đó đánh giá tác động của các hoạt động của đề án theo từng nguồn gây tác động. Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi tác động, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động.

Lưu ý cần làm rõ:

- Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thải lượng (tải lượng) và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho đề án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;
- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến các hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);

3.1.5. Tác động do các rủi ro, sự cố

- Việc đánh giá tác động này là dựa trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro của đề án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong quá trình triển khai đề án;
- Chỉ dẫn cụ thể về không gian, thời gian có thể xảy ra rủi ro, sự cố;
- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá

Nhận xét khách quan về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá về các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra khi triển khai đề án. Đối với những vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan và các lý do chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Chương 4

BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của đề án đến môi trường

4.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị

4.1.2. Trong giai đoạn xây dựng

4.1.3. Trong giai đoạn vận hành

4.1.4. Trong các giai đoạn khác (nếu có)

4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố

4.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị

4.2.2. Trong giai đoạn xây dựng

4.2.3. Trong giai đoạn vận hành

4.2.4. Trong các giai đoạn khác (nếu có)

Yêu cầu:

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi loại tác động tiêu cực đến các đối tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội đã xác định tại Chương 3 đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, có lý giải rõ ràng về ưu điểm, nhược điểm, mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp việc triển khai các biện pháp giảm thiểu của đề án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp cùng giải quyết; trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải chứng minh được sau khi áp dụng biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp bất khả kháng, phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về: tính khả thi của biện pháp; không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp.

- Đối với đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này, nội dung của các điểm 4.1.3, 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó. Hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của đề án.

Chương 5

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Xây dựng một chương trình nhằm quản lý các vấn đề bảo vệ môi trường cho các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng các công trình của đề án, vận hành đề án và giai đoạn khác (nếu có). Chương trình quản lý môi trường được xây dựng trên cơ sở tổng hợp từ các chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Giai đoạn hoạt động của đề án	Các hoạt động của đề án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác (nếu có)							

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Đề ra chương trình nhằm giám sát các chất thải và các tác động không liên quan đến chất thải phát sinh trong suốt quá trình chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có), như: tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường của đề án.

- Giám sát chất thải: phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và những thông số đặc trưng cho chất thải của đề án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành (không bắt buộc đối với chất thải rắn).

Việc giám sát liên tục, tự động chất phát sinh từ quá trình hoạt động của đề án đối với từng đề án cụ thể phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc này, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường xem xét quyết định.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho đề án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam trong trường hợp tại khu vực thực hiện đề án không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

- Giám sát khác (nếu có, tùy thuộc từng đề án cụ thể):

+ Giám sát các yếu tố: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phen; và các tác động tới các đối tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội khác với tần suất phù hợp nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các yếu tố này. Các điểm giám sát (nếu có) phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

+ Giám sát sự thay đổi của các loài động vật, thực vật quý hiếm trong khu vực thực hiện đề án và chịu tác động xấu do đề án gây ra với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

Chương 6

THAM VẤN Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng và tổng hợp các ý kiến theo các mục như sau:

- 6.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- 6.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư (nếu có)
- 6.3. Ý kiến của tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi Đề án (nếu có)
- 6.4. Ý kiến của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (nếu có)
- 6.5. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ đề án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức được tham vấn

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải có kết luận về những vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết những tác động chưa, những vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của những tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; những tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ đề án và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết những vấn đề vượt khả năng giải quyết của đề án.

3. Cam kết

Các cam kết của chủ đề án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà đề án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.5 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của đề án, gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến thời điểm trước khi đề án đi vào vận hành chính thức;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi đề án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc đề án;
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án;
- Cam kết phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi đề án kết thúc vận hành.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ đề án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tên gọi, xuất xứ, thời gian, tác giả, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến đề án, không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước;
- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến đề án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;
- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh học...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;
- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);
- Các hình ảnh liên quan đến khu vực đề án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC 2.7

MẪU CHỨNG THỰC BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

- (1) chứng thực: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Đề án
(2) được phê duyệt bởi Quyết định số... ngày... tháng... năm ... của (3).

(Địa danh), ngày... tháng... năm...
Thủ trưởng cơ quan chứng thực
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cơ quan được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường giao trách nhiệm (ủy quyền) chứng thực; (2) Tên đầy đủ của Đề án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

03. Thủ tục: Cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) đối với tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề có địa bàn hoạt động trong tỉnh (giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH) (Sửa đổi, bổ sung)

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ đến cơ quan Quản lý CTNH tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tổ một cửa) thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

* Bước 3: Xem xét hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý CTNH.

Công chức sau khi tiếp nhận hồ sơ được chuyển đến phòng chuyên môn xem xét tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo cho chủ hành nghề quản lý CTNH sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ.

* Bước 4: Vận hành thử nghiệm xử lý CTNH.

Sau khi kết thúc quá trình xem xét hồ sơ tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (D) nộp cho cơ quan cấp phép.

* Bước 5: Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm.

Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (Đ) nộp cho cơ quan cấp phép.

* Bước 6: Cấp Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại.

Sau khi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH đạt yêu cầu, đáp ứng đủ các điều kiện hành nghề quản lý chất thải nguy hại, cơ quan cấp phép tiến hành cấp Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại.

* Bước 7: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tổ một cửa) thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Công chức trả kết quả kiểm tra giấy hẹn, yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận và trao kết quả cho người nhận.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần (chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (A- B) Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT). Kèm theo các giấy tờ sau:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

2. Bản sao hồ sơ, giấy tờ như: Báo cáo ĐTM, đề án Bảo vệ môi trường hoặc văn bản hợp lệ về môi trường đối với cơ sở xử lý CTNH hoặc Cam kết Bảo vệ môi trường đối với đại lý vận chuyển CTNH.

3. Bản sao văn bản quy hoạch đã được phê duyệt hoặc văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm cho hoạt động xử lý CTNH đối với cơ sở xử lý CTNH trong trường hợp chưa có quy hoạch.

4. Bản mô tả các cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH đã đầu tư như: vị trí và quy mô; điều kiện địa chất – thủy văn khu vực xung quanh; mô tả các hạng mục công trình (nếu có).

5. Hồ sơ kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc vận chuyển, xử lý và lưu giữ tạm thời CTNH (nếu có).

- Bản mô tả giới thiệu tóm tắt các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc quản lý CTNH (hồ sơ kỹ thuật).

6. Hồ sơ kỹ thuật của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đầu tư (nếu có).

Bảng giới thiệu tóm tắt các công trình và biện pháp (hồ sơ kỹ thuật).

7. Hồ sơ nhân lực.

- Giới thiệu chung về nhân lực của cơ sở.

- Bảng lý lịch trích ngang của các cán bộ, công nhân viên.

8. Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

9. Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (tại cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH).

- Chương trình quản lý môi trường;

- Quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường;

- Kế hoạch vệ sinh các phương tiện, thiết bị và công trình;

- Kinh phí hàng năm.

10. Chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH.

- Chương trình giám sát môi trường;

- Giám sát vận hành xử lý CTNH;

- Đánh giá hiệu quả xử lý CTNH.

11. Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên.

- Trang bị bảo hộ cá nhân và các biện pháp bảo hộ sức khỏe lao động;
- Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động;
- Chăm sóc sức khỏe,...

12. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố:

- Mục tiêu;
- Ưu tiên trong trường hợp xảy ra sự cố;
- Phân tích các kịch bản sự cố có thể xảy ra;
- biện pháp, quy trình phòng ngừa và chuẩn bị cho việc ứng phó sự cố;
- Quy trình ứng phó khẩn cấp;
- Tình huống và kế hoạch sơ tán người tại cơ sở và khu vực phụ cận;
- Biện pháp xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường sau khi kết thúc sự cố;
- Kinh phí dự phòng và bảo hiểm.

13. Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm cho cán bộ, công nhân viên.

- Mô tả các nội dung đào tạo tập huấn;
- Các đối tượng;
- Tổ chức thực hiện;
- Công tác đánh giá sau đào tạo, tập huấn.

14. Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động: Các kết hoạch, thủ tục, kinh phí dự phòng.

15. Báo cáo các vấn đề khác trong việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế tương đương (các nội dung khác nằm ngoài phạm vi hoạt động QLCTNH trong trường hợp báo cáo ĐTM cho dự án có thêm các hoạt động khác với QLCTNH; giải trình các điểm thay đổi so với báo cáo ĐTM).

Tất cả các bản sao nêu trên không cần công chứng nhưng phải được đóng dấu giáp lai hoặc dấu treo vào từng trang.

Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý CTNH đóng thành quyển.

- Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Đối với trường hợp cần phải sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của CQCP thì thời hạn giải quyết là 110 ngày.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hành nghề quản lý CTNH.

- Lệ phí (nếu có): không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):

+ Đơn đăng ký hành nghề quản lý CTNH (phụ lục 2A - B Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT).

- Yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính (nếu có):

Điều kiện hành nghề quản lý chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Chương II, Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
(Sửa đổi, bổ sung)

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Phụ lục 2A-B. Mẫu Đơn đăng ký hành nghề QLCTNH

<TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ĐĂNG KÝ HÀNH
NGHỀ> _____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp lần đầu/cấp gia hạn/cấp điều chỉnh)

Kính gửi: - Tổng cục Môi trường (TH có địa bàn hoạt động từ 2 tỉnh trở lên);
- UBND tỉnh (TH có địa bàn hoạt động trong tỉnh);
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Phần khai chung:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Tài khoản số: tại :

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH hiện có (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Giấy phép QLCTNH có giá trị đến ngày (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở xử lý CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

1.3. Đại lý vận chuyển CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng đại lý):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

(Trường hợp điều chỉnh Giấy phép thì ghi rõ là cơ sở xử lý hoặc đại lý vận chuyển CTNH đã được cấp phép hay đăng ký bổ sung)

2. Địa bàn hoạt động đăng ký:

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng theo bảng 2 Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi “toàn bộ vùng” (lưu ý không ghi cấp địa bàn nhỏ hơn tỉnh)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung địa bàn hoạt động thì phân biệt rõ địa bàn hoạt động đã được cấp phép và địa bàn hoạt động đăng ký thay đổi, bổ sung)

3. Danh sách phương tiện, thiết bị chuyên dụng đăng ký:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: đóng gói, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4a. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển để tái sử dụng trực tiếp (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

(Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các CTNH thì phân biệt rõ danh sách CTNH đã được cấp phép và danh sách CTNH đăng ký thay đổi, bổ sung)

5. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký:

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và cấp (hoặc cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh) Giấy phép, đồng thời kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo và yêu cầu của Quyết định số ... ngày ... / ... / của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án ... (trường hợp Tổng cục Môi trường là CQCP).

Người có thẩm quyền
đăng ký hành nghề
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

04. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường **(Thống kê mới)**

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Tổ chức, cá nhân có dự án khai thác khoáng sản thuộc đối tượng lập bản cam kết bảo vệ môi trường và Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt theo quy định hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tổ một cửa) thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

Riêng tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì Đề án được thẩm định cùng với báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

* Bước 2: Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ;

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định tổ chức họp Hội đồng thẩm định; thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân biết; trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức họp Hội đồng thẩm định, tổ chức, cá nhân phải chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án và gửi lại cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định để xem xét, phê duyệt;

- Trong quá trình xem xét nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án theo kết quả họp hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định có thể thông báo bằng văn bản hoặc gửi văn bản điện tử cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung trong trường hợp Đề án chưa đáp ứng được yêu cầu;

* Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa trước khi tổ chức thẩm định. Thời gian khảo sát và thời gian hoàn chỉnh lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

* Bước 3: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đã hoàn chỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt Đề án;

- Sau khi ban hành quyết định phê duyệt Đề án, cơ quan phê duyệt phải chứng thực vào mặt sau trang phụ bì; gửi cho tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần (chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án;

+ 09 (chín) bản thuyết minh Đề án kèm theo các bản vẽ liên quan;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận (nếu có);

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: Thời hạn thẩm định tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với những dự án phức tạp về cải tạo, phục hồi môi trường, thời hạn thẩm định là 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc.

+ Thời gian giải quyết tại Ủy ban nhân dân tỉnh là: 15 ngày;

+ Thời gian giải quyết tại Sở TN&MT là: 30 ngày.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa trước khi tổ chức thẩm định. Thời gian khảo sát và thời gian hoàn chỉnh lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường và đề án cải tạo phục hồi môi trường được xác nhận.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm): Có.

+ Cấu trúc và nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT);

+ Đơn đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải bổ sung thêm nội dung đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường (Phụ lục 2.3 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT).

- Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

+ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

+ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

+ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ TNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 2.3

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án (2), thuộc mục số... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số... Phụ lục III) Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án:...
- Địa chỉ liên hệ:...
- Điện thoại:...; Fax:...; E-mail: ...

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương);
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án bằng tiếng Việt.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường của Dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ của Dự án;
- (3) Cơ quan tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án.

Phụ lục 1
CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU NỘI DUNG DỰ ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

PHẦN I: THUYẾT MINH DỰ ÁN

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành, xuất xứ, sự cần thiết lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường.

CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Fax:
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư).
- Hình thức đầu tư và quản lý dự án. Luận giải hình thức đầu tư, nguồn vốn và lựa chọn hình thức quản lý dự án. Trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án phải nêu rõ thông tin, địa chỉ, tính pháp lý của tổ chức tư vấn quản lý dự án.

2. Cơ sở để lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở pháp lý: Quyết định 71/2008/QĐ-TTg; Thông tư 34/2009/TT-BTNMT; Giấy phép khai thác khoáng sản, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/dự án đầu tư, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khu vực triển khai dự án, quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường (nếu có) và các văn bản khác có liên quan; các đơn giá, định mức kinh tế áp dụng xây dựng Dự án cải tạo, phục hồi môi trường.

Tài liệu cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được phê duyệt và thiết kế cơ sở được thẩm định hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận (nếu có); tài liệu quan trắc môi trường.

Nêu rõ tên tổ chức tư vấn lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tên người chủ trì và danh sách những người trực tiếp tham gia.

3. Vị trí địa lý

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện dự án cải tạo, phục hồi môi trường. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

4. Mục tiêu của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Mục tiêu chung: Đưa ra mục tiêu chung của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường nhằm cải tạo, phục hồi môi trường theo các hướng như sau:

- Cải tạo, phục hồi môi trường để đưa môi trường và hệ sinh thái về tình trạng ban đầu.
- Cải tạo, phục hồi môi trường để đưa môi trường và hệ sinh thái tương tự như môi trường và hệ sinh thái trước khi đi vào khai thác.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và phục vụ các mục đích có lợi cho con người.

Ngoài các mục tiêu nêu trên còn có các mục tiêu khả thi khác. Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở thực tiễn để đạt được.

b) Mục tiêu cụ thể: Đưa ra mục tiêu cụ thể về nội dung, khối lượng công việc đạt được theo từng năm, từng giai đoạn và toàn bộ Dự án (phụ thuộc vào khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường của toàn bộ mỏ hoặc từng khu vực khai thác và yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường).

CHƯƠNG II. ĐẶC ĐIỂM CÔNG TÁC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Khái quát chung về khu vực khai thác khoáng sản

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực khai thác khoáng sản. Điều kiện địa chất, địa chất công trình, đặc điểm thành phần thạch học, thành phần khoáng vật khoáng sản, đặc điểm phân bố khoáng sản.

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ làm việc.

- Tình hình khai thác, hiện trạng khai thác hiện nay, trữ lượng khoáng sản còn lại, thời gian khai thác còn lại,

2. Phương pháp khai thác

Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ. Tình hình cung cấp điện nước, thoát nước mỏ, thải đất đá; công tác xây dựng các công trình phục vụ khai thác mỏ, tổng mặt bằng khai thác mỏ.

3. Hiện trạng môi trường

- Nêu hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản và các nơi thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường...trong quá trình khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường.

- Nêu hiện trạng môi trường thời điểm lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường. Các biện pháp, các công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện. Kết quả phân tích môi trường thời điểm lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường.

4. Tác động đến môi trường

Khái quát ảnh hưởng của công tác khai thác khoáng sản đến môi trường như: các tác động đến địa hình, đến môi trường nước mặt, nước dưới đất; các tác động đến thảm thực vật và động vật; tác động đến môi trường không khí; các loại chất thải; các tác động đến các hoạt động kinh tế trong vùng. Nêu rõ khả năng những thay đổi về địa hình, đất đai, hệ sinh thái, sông suối có thể xảy ra khi kết thúc quá trình khai thác mỏ.

Đánh giá rủi ro và dự báo những tác động xấu đến môi trường, sự cố môi trường có thể xảy ra.

CHƯƠNG III. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi. Các phương án cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo yêu cầu trong Phụ lục 1 ban

hành kèm theo Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg; công tác cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác.

- Mô tả khái quát từng phương án; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi một phương án xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Đánh giá sự ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường, ...).

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” được xác định theo biểu thức sau:

$$I_p = (G_m - G_p)/G_c$$

Trong đó:

+ G_m : giá trị đất đai sau khi phục hồi, dự báo theo giá cả thị trường tại thời điểm tính toán;

+ G_p : tổng chi phí phục hồi đất để đạt được mục đích sử dụng;

+ G_c : giá trị nguyên thủy của đất đai trước khi mở mỏ ở thời điểm tính toán (theo đơn giá của Nhà nước);

Trên cơ sở đánh giá và so sánh các thông số nêu trên, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung và biện pháp để thực hiện, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 của Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg và của Thông tư này.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác mỏ hoặc thiết kế cơ sở khai thác mỏ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Chương trình quản lý

Trình bày sơ đồ tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường.

Xây dựng các chương trình để kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện và chất lượng công trình; kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường. Biện pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

2. Chương trình giám sát môi trường

Đề ra chương trình giám sát chất thải phát sinh và chất lượng môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường:

2.1. Giám sát chất thải: phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, tần suất tối thiểu 02 lần/năm. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy định hiện hành.

Đối với các công trình cải tạo, phục hồi môi trường có phát sinh nguồn nước thải, khí thải, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, khuyến khích xây dựng và lắp đặt các thiết bị đo lưu lượng và quan trắc liên tục các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải.

2.2. Giám sát môi trường: giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam; trong trường hợp tại khu vực cải tạo, phục hồi môi trường không có các trạm, điểm giám sát của cơ quan nhà nước thì thực hiện giám sát môi trường với tần suất tối thiểu 02 lần/năm. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy định hiện hành.

2.3. Giám sát khác: giám sát các yếu tố: thảm thực vật, xói mòn, trượt, lở, sụt lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phen (theo đặc thù của từng Dự án cải tạo, phục hồi môi trường) với tần suất tối thiểu 01 lần/năm tại các khu vực thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân có thể kết hợp sử dụng kết quả giám sát môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

CHƯƠNG V. DỰ TOÁN CHI PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ tính dự toán: định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các Bộ, ngành tương ứng trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

- Nội dung của dự toán: theo điều kiện thực tế của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; theo khối lượng và nội dung công việc cải tạo, phục hồi nêu trên và theo hướng dẫn tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg; Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Lập bảng tổng hợp chi phí gồm các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ: các khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo theo hướng dẫn quy định tại Điều 8, Điều 9 của Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg và Thông tư này.

3. Đơn vị nhận ký quỹ: Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

CHƯƠNG VI. CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

1. Cam kết của tổ chức, cá nhân

Các cam kết của tổ chức, cá nhân về thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện các cam kết với cộng đồng; tuân thủ các quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của Dự án. Cụ thể:

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ;

- Các cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường... theo đúng cam kết trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện;

- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường;

- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp gây ra sự cố môi trường;

- Cam kết thực hiện chế độ nộp báo cáo, chế độ kiểm tra theo đúng quy định;

- Cam kết lập báo cáo về kết quả thực hiện Dự án cải tạo, phục hồi môi trường/Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và kết quả chương trình giám sát môi trường gửi Cơ quan có phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

2. Kết luận

Nêu kết luận và đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường. Tính hợp lý của số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

PHẦN II: CÁC PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
2	Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).
6	Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật
7	Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
8	Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm
9	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
10	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
11	Sơ đồ vị trí các công trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và Thông báo thẩm định thiết kế cơ sở hoặc tài liệu tương đương.

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất.

- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đơn giá sử dụng tính dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường; đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có).

05. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (Thống kê mới)

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị: điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản về diện tích, độ sâu, công suất khai thác; gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường so với Đề án đã được phê duyệt lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tổ một cửa) thuộc Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* Bước 2: Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ;

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định tổ chức họp Hội đồng thẩm định; thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân biết; trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức họp Hội đồng thẩm định, tổ chức, cá nhân phải chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án bổ sung và gửi lại cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định để xem xét, phê duyệt.

- Trong quá trình xem xét nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án bổ sung theo kết quả họp hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định có thể thông báo bằng văn bản hoặc gửi văn bản điện tử cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung trong trường hợp Đề án hoặc Đề án bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu.

* Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa trước khi tổ chức thẩm định. Thời gian khảo sát và thời gian hoàn chỉnh lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

* Bước 3: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đã hoàn chỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt Đề án bổ sung.

- Sau khi ban hành quyết định phê duyệt Đề án bổ sung, cơ quan phê duyệt phải chứng thực vào mặt sau trang phụ bì; gửi cho tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần (chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung;

- + 09 (chín) bản thuyết minh Đề án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;
- + Đề án, Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận;
- + Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ .

- Thời hạn giải quyết: Thời hạn thẩm định tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với những dự án phức tạp về cải tạo, phục hồi môi trường, thời hạn thẩm định là 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc.

- + Thời gian giải quyết tại Ủy ban nhân dân tỉnh là: 05 ngày;

- + Thời gian giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường là: 25 ngày.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa trước khi tổ chức thẩm định. Thời gian khảo sát và thời gian hoàn chỉnh lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đối với Đề án của các dự án khai thác khoáng sản quy định tại điểm d khoản 2 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP); Sở Tài nguyên Môi trường (đối với Đề án của các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn không thuộc quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013)

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung được xác nhận.

- Lệ phí (nếu có): không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm): Có.

- + Cấu trúc và nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường (Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT).

- + Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường (Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT).

- Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính (nếu có): không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

+ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

+ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

+ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 12

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

1. Tên dự án:

Nêu đúng như tên trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cấp quyết định phê duyệt trước đó. Trường hợp đã được đổi tên khác thì nêu cả tên cũ, tên mới và thuyết minh rõ về quá trình, tính pháp lý của việc đổi tên này.

2. Tổ chức, cá nhân:

Nêu đầy đủ: tên, địa chỉ và phương tiện liên hệ với tổ chức, cá nhân; họ tên và chức danh của người đứng đầu tổ chức, cá nhân tại thời điểm lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

Căn cứ và mục tiêu đặt ra đối với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

3. Vị trí địa lý của dự án:

Mô tả vị trí địa lý, địa điểm thực hiện dự án theo quy định như đối với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

4. Những thay đổi về nội dung của Dự án:

Mô tả chi tiết, rõ ràng về những thay đổi cho đến thời điểm lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (trường hợp có thay đổi) khi được gia hạn thời gian khai thác

5. Hiện trạng môi trường tự nhiên và các yếu tố kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện dự án (cho đến thời điểm lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung).

6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và tác động môi trường

- Nêu chi tiết những biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường, thiết kế để thực hiện các phương pháp.

- Những thay đổi về phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

7. Tổ chức quản lý dự án.

8. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và trình tự ký quỹ.

Tính toán khoản tiền ký quỹ tương tự như tính toán trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Quyết định 71/2008/QĐ-TTg và tại Thông tư này.

9. Cam kết và Kết luận.

Phụ lục 13

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và kỹ quy cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

... (1) ...

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt
Dự án cải tạo, phục hồi môi trường
bổ sung “ ... (2) ... ”

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ dự án: “ ... (2) ... ”

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 07 (bảy) bản Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

- 01 (một) báo cáo đầu tư điều chỉnh/báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh/dự án đầu tư điều chỉnh;

- 01 (một) bản sao Dự án cải tạo, phục hồi môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường “... (5) ... ”;

- Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm xin gia hạn kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm xin gia hạn.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị ... (3) ... xem xét, thẩm định, phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung..(2)..của chúng tôi./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

... (6) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (3) Cơ quan tổ chức việc thẩm định Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (4) Cơ quan đã ra quyết định phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường; (5) Tên dự án đã được cấp quyết định phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường; (6) Thủ trưởng cơ quan tổ chức, cá nhân.